

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 298, 299, 317, 319, 320, 398, 463 Bộ luật Dân sự; các điểm a, d khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 6, khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2024, về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 116/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); địa chỉ trụ sở: số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Mạnh C là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 249/2023/UQ-RCC-XLN PUN KHCHN MB ngày 16/05/2023 của ngân hàng TMCP V.

- Bị đơn: Ông Vũ Minh H, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ D, khu D, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 28/5/2024, ông **Vũ Minh H** và bà **Hoàng Thị Hải Y** còn nợ **Ngân hàng TMCP V** số tiền là 17.243.149.424đ (mười bảy tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc: 16.432.302.000đ (mười sáu tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu, ba trăm linh hai nghìn đồng); lãi trong hạn: 662.168.122đ (sáu trăm sáu mươi hai triệu, một trăm sáu tám nghìn, một trăm hai mươi hai đồng); lãi quá hạn: 18.055.428đ (mười tám triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng); lãi chậm trả lãi: 130.623.874đ (một trăm ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng).

Các bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Kể từ tháng 6/2024 đến tháng 8/2024, mỗi tháng ông **Vũ Minh H** và bà **Hoàng Thị Hải Y** sẽ trả cho **Ngân hàng TMCP V** 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, thời gian trả chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng.

Chậm nhất đến hết ngày 31/8/2024, vợ chồng ông **Vũ Minh H**, bà **Hoàng Thị Hải Y** sẽ thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại và tiền lãi phát sinh, phạt chậm trả lãi tính đến hết ngày 28/5/2024 là 17.183.149.424đ (mười bảy tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc: 16.372.302.000đ (mười sáu tỷ, ba trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm linh hai nghìn đồng); lãi trong hạn: 662.168.122đ (sáu trăm sáu mươi hai triệu, một trăm sáu tám nghìn, một trăm hai mươi hai đồng); lãi quá hạn: 18.055.428đ (mười tám triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng); lãi chậm trả lãi: 130.623.874đ (một trăm ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2024 theo Hợp đồng cho vay số: LN2110094465625 ngày 01/11/2021; Hợp đồng cho vay số: LN2110134490680 ngày 01/11/2021 đã ký kết giữa **Ngân hàng TMCP V** và ông **Vũ Minh H**, bà **Hoàng Thị Hải Y**.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà ông **Vũ Minh H** và bà **Hoàng Thị Hải Y** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp ông **Vũ Minh H** và bà **Hoàng Thị Hải Y** không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, **Ngân hàng TMCP V** được quyền yêu cầu Cơ quan thi

hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: toàn bộ quyền sử dụng 114,8m² đất ở được giới hạn bởi các điểm B,2,3,E,B và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 09 tầng được giới hạn bởi các điểm (tầng 1 được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,1; từ tầng 2 đến tầng 9 giới hạn bởi các điểm A,C,D,F,A0 thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 86, tại địa chỉ: **tổ B, khu D, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA692240, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02719 do Ủy ban nhân **thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** cấp ngày 25/5/2015; chuyển nhượng cho ông **Vũ Minh H** và bà **Hoàng Thị Hải Y** theo hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất được **Văn phòng C1** chứng nhận ngày 25/10/2021. Mọi công trình, tài sản được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. Theo chi tiết Hợp đồng thế chấp số LN2110094465625, số công chứng 11214, quyền số 01/2021TP/CC/HĐGD ký ngày 01/11/2021 tại **văn phòng C2** giữa **Ngân hàng TMCP V** với ông **Vũ Minh H** và bà **Hoàng Thị Hải Y** (có sơ đồ kèm theo).

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì ông **Vũ Minh H** và bà **Hoàng Thị Hải Y** còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP V** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

Về án phí: Ông **Vũ Minh H** và bà **Hoàng Thị Hải Y** phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 62.622.000đ (sáu mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng). Trả lại cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.290.000đ (sáu mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001759 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Lưu HS, Lưu VP.

THẨM PHÁN**Phạm Thị Cúc**